

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN MỘT VỢ MỘT CHỒNG

NGUYỄN THANH HIỂN

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Nhận bài ngày 20/8/2026. Sửa chữa xong 20/9/2026. Duyệt đăng 25/9/2026.

Abstract

This article examines Vietnamese legal provisions governing violations of the monogamy principle under the 2014 Law on Marriage and Family. It analyzes the disciplinary, administrative, and criminal measures applicable to such violations, assesses current enforcement practices, and identifies existing limitations and their causes. Based on this analysis, the article proposes solutions to improve the legal framework and strengthen law enforcement. These solutions are intended to protect the lawful rights and interests of individuals and families while contributing to the stability of marriage and family relations in Vietnam.

Keywords: Improving the legal framework, marriage regime, monogamy, solutions, violations.

1. Đặt vấn đề

Gia đình là tế bào của xã hội và là môi trường đầu tiên hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi con người. Một xã hội muốn phát triển ổn định và bền vững cần được xây dựng trên nền tảng của những gia đình hạnh phúc, tiến bộ và tôn trọng các chuẩn mực đạo đức cũng như pháp luật. Trong đó, chế độ hôn nhân một vợ một chồng được xác định là nguyên tắc cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, thể hiện sự bình đẳng, chung thủy và trách nhiệm giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, các hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng như ngoại tình, chung sống như vợ chồng với người khác hoặc duy trì quan hệ ngoài hôn nhân đang diễn ra ngày càng phức tạp và gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực đối với gia đình và xã hội. Trên thực tế, những hành vi này không chỉ làm tan vỡ hạnh phúc gia đình mà còn kéo theo nhiều hệ quả như gia tăng tỷ lệ ly hôn, ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của con cái, phát sinh tranh chấp tài sản, bạo lực gia đình và gây mất ổn định trật tự xã hội. Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có những quy định xử lý hành vi vi phạm thông qua Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) (Quốc hội, 2017) và các quy định xử phạt hành chính liên quan nhưng quá trình áp dụng trên thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn như việc thu thập chứng cứ, xác định dấu hiệu chung sống như vợ chồng hoặc sự chưa thống nhất trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Bài viết phân tích các quy định pháp luật hiện hành về xử lý hành vi vi phạm về chế độ hôn nhân một vợ một chồng, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi vi phạm về chế độ hôn nhân một vợ một chồng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy định pháp luật hiện hành về xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng

2.1.1. Xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng ở Việt Nam bằng hình thức xử lý kỷ luật

Xử lý kỷ luật là một trong những biện pháp có thể được áp dụng đối với người vi phạm thuộc các nhóm chủ thể có chế độ trách nhiệm đặc thù như đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức hoặc người thuộc lực lượng vũ trang. Việc xử lý trong trường hợp này không chỉ xuất phát từ hành vi vi phạm quan hệ hôn nhân mà còn liên quan đến yêu cầu về phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm nêu gương của người giữ chức vụ, thực hiện nhiệm vụ trong cơ quan, tổ chức nhà nước

Email: nhien.hcth@hunre.edu.vn

và hệ thống chính trị. Tài liệu nghiên cứu cũng xác định việc xử lý kỷ luật có ý nghĩa trong việc duy trì kỷ cương và trách nhiệm nêu gương của các chủ thể này.

Đối với đảng viên, hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng hoặc chung sống như vợ chồng trái pháp luật có thể dẫn đến các hình thức kỷ luật theo quy định của Đảng. Mức độ xử lý được xem xét dựa trên tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi và các tình tiết có liên quan. Trong những trường hợp vi phạm ở mức độ nhất định, người vi phạm có thể bị khiển trách hoặc áp dụng hình thức kỷ luật cao hơn nếu có các yếu tố làm tăng mức độ nghiêm trọng. Trường hợp hành vi gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức hoặc tái phạm có thể bị áp dụng hình thức kỷ luật nghiêm khắc hơn. Cơ chế này phản ánh yêu cầu cao hơn đối với việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương của đảng viên.

Đối với cán bộ, công chức, viên chức, hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng có thể được xem xét trong mối quan hệ với nghĩa vụ chấp hành pháp luật, đạo đức công vụ và chuẩn mực ứng xử của người thực hiện nhiệm vụ. Theo nội dung tài liệu, việc xử lý có thể được đặt trong khuôn khổ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP (Chính phủ, 2020a) và tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả, động cơ cũng như thái độ khắc phục mà áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Các hình thức có thể bao gồm khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức hoặc buộc thôi việc. Đối với người giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, việc xem xét trách nhiệm còn gắn với yêu cầu giữ gìn uy tín của cơ quan, tổ chức.

Đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, Công an nhân dân và các chủ thể khác thuộc lực lượng vũ trang, ngoài các quy định chung của pháp luật về hôn nhân và gia đình, việc xử lý còn có thể căn cứ vào điều lệnh, điều lệ, quy tắc của ngành và các quy định về đạo đức nghề nghiệp. Hành vi vi phạm có thể được xem xét trên phương diện ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của cá nhân và lực lượng mà người đó công tác. Do đó, trong những trường hợp cụ thể, người vi phạm có thể đồng thời phải chịu trách nhiệm theo quy định chung của pháp luật và quy định nội bộ của ngành. Có thể thấy, xử lý kỷ luật có phạm vi áp dụng khác với xử phạt vi phạm hành chính và trách nhiệm hình sự. Mục đích chủ yếu của biện pháp này là duy trì kỷ luật nội bộ, bảo đảm yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm của người thuộc các nhóm chủ thể đặc thù. Vì vậy, việc một hành vi bị xử lý kỷ luật không đồng nghĩa với việc hành vi đó đương nhiên bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp hành vi đồng thời đáp ứng đầy đủ các điều kiện của một vi phạm hành chính hoặc tội phạm thì các trách nhiệm pháp lý tương ứng được xem xét theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng ở Việt Nam bằng hình thức xử phạt hành chính

Xử phạt vi phạm hành chính là biện pháp được áp dụng đối với những hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là cơ chế xử lý có ý nghĩa quan trọng trong việc ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm phạm chế độ hôn nhân hợp pháp.

Theo Điều 59 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP (Chính phủ, 2020b), một số hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng có thể bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Trong đó bao gồm trường hợp người đang có vợ hoặc có chồng mà kết hôn với người khác; người chưa có vợ, chưa có chồng nhưng kết hôn với người mà mình biết rõ đang có chồng hoặc có vợ; người đang có vợ hoặc có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác; hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng nhưng chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ đang có chồng hoặc có vợ. Quy định này cho thấy pháp luật phân biệt tương đối rõ giữa hành vi kết hôn trái pháp luật và hành vi chung sống như vợ chồng trong điều kiện đã tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đặc biệt, đối với người chưa có vợ hoặc chưa có chồng, yếu tố “biết rõ” tình trạng hôn nhân của người còn lại có ý nghĩa trong việc xác định trách nhiệm. Điều này phù hợp với yêu cầu xác định lỗi của chủ thể khi áp dụng chế tài hành chính.

Về mặt thực tiễn, xử phạt vi phạm hành chính có ưu điểm là thủ tục xử lý đơn giản hơn so với việc truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời tạo cơ sở để cơ quan có thẩm quyền can thiệp sớm đối với hành vi vi phạm. Tuy nhiên, hiệu quả của chế tài này phụ thuộc đáng kể vào khả năng phát hiện, xác minh và chứng minh hành vi. Đặc biệt, đối với hành vi chung sống như vợ chồng, việc xác định trên

thực tế hai người có thực sự tồn tại quan hệ chung sống như vợ chồng hay chỉ có quan hệ tình cảm hoặc quan hệ riêng tư là vấn đề không đơn giản. Trong nhiều trường hợp, hành vi được thực hiện kín đáo, không công khai và người có quyền lợi liên quan có thể không cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho cơ quan có thẩm quyền. Việc chứng minh quan hệ chung sống như vợ chồng thường phải dựa trên tổng hợp nhiều yếu tố, chẳng hạn như thời gian chung sống, sinh hoạt chung, tài sản chung, con chung hoặc thông tin từ những người biết rõ về quan hệ giữa các bên. Tuy nhiên, từng yếu tố riêng lẻ chưa chắc đủ để xác định hành vi vi phạm. Tài liệu nghiên cứu cũng chỉ ra rằng đây là một trong những khó khăn phổ biến trong quá trình xử lý trên thực tế.

Một vấn đề khác là mức phạt hành chính hiện hành. Mức phạt từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng có tác dụng xác lập trách nhiệm pháp lý và tạo sự răn đe nhất định nhưng trong một số trường hợp có thể chưa tương xứng với lợi ích mà người vi phạm đạt được hoặc hậu quả mà hành vi gây ra đối với gia đình. Vì vậy, hiệu quả phòng ngừa của chế tài không chỉ phụ thuộc vào mức tiền phạt mà còn phụ thuộc vào khả năng phát hiện và xử lý vi phạm một cách kịp thời, thống nhất.

2.1.3. Xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng ở Việt Nam bằng hình thức xử lý hình sự

Ở mức độ nghiêm trọng hơn, hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) (Quốc hội, 2017) quy định về tội vi phạm chế độ một vợ một chồng. Theo quy định được trình bày trong tài liệu nghiên cứu, người đang có vợ hoặc có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác; hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ đang có chồng, có vợ, có thể bị xử lý hình sự nếu thuộc các trường hợp luật định.

Ở khung hình phạt cơ bản, người phạm tội có thể bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm khi hành vi làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn hoặc người thực hiện hành vi đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm. Quy định trên cho thấy trách nhiệm hình sự không được đặt ra đối với mọi hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng mà chỉ được áp dụng khi hành vi đáp ứng các dấu hiệu cấu thành tội phạm theo luật định (Quốc hội, 2015).

Ở mức độ nghiêm trọng hơn, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm nếu hành vi làm cho vợ, chồng hoặc con của một trong hai bên tự sát hoặc đã có quyết định của Tòa án hủy việc kết hôn hoặc buộc chấm dứt việc chung sống như vợ chồng trái với chế độ một vợ một chồng nhưng người vi phạm vẫn tiếp tục duy trì quan hệ đó. Những trường hợp này cho thấy pháp luật hình sự đặc biệt chú trọng đến hậu quả nghiêm trọng của hành vi cũng như thái độ coi thường quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Từ quy định trên có thể thấy, ranh giới giữa xử phạt hành chính và truy cứu trách nhiệm hình sự được xác định dựa trên những điều kiện pháp lý cụ thể. Việc một người có quan hệ ngoài hôn nhân không đương nhiên dẫn đến trách nhiệm hình sự. Cơ quan có thẩm quyền phải xác định đầy đủ hành vi, chủ thể, lỗi và các điều kiện khác theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Quốc hội, 2015). Đây cũng là lý do số lượng trường hợp bị xử lý hình sự trên thực tế thấp hơn đáng kể so với số trường hợp có dấu hiệu vi phạm.

2.2. Một số hạn chế, vướng mắc trong việc xây dựng các quy định pháp luật về xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng

Thực tế cho thấy, mặc dù đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, song việc xử lý hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng vẫn còn tồn tại không ít hạn chế, vướng mắc cả về phương diện pháp lý lẫn thực tiễn áp dụng. Cụ thể:

Thứ nhất, hiệu quả phát hiện và xử lý hành vi chung sống như vợ chồng còn thấp so với thực tế diễn ra trong xã hội. Nguyên nhân chủ yếu là do pháp luật hiện hành chưa đưa ra được các tiêu chí định lượng rõ ràng để xác định thế nào là chung sống như vợ chồng. Các dấu hiệu thường được sử dụng như sống chung, có con chung, có tài sản chung hoặc được xã hội thừa nhận chỉ mang tính định tính, dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền. Điều này làm giảm hiệu quả thực thi pháp luật và có thể dẫn đến tình trạng bỏ lọt hành vi vi phạm.

Thứ hai, việc chứng minh yếu tố lỗi, đặc biệt là yếu tố biết rõ của người thứ ba, gặp rất nhiều khó khăn trong thực tiễn. Đây là yếu tố mang tính chủ quan, phụ thuộc vào nhận thức của người vi phạm, trong khi các đối tượng thường có xu hướng phủ nhận hoặc che giấu thông tin. Cơ quan chức năng buộc phải dựa vào các chứng cứ gián tiếp như tin nhắn, lời khai, nhân chứng hoặc các tình tiết liên quan khác, làm cho quá trình chứng minh trở nên phức tạp, kéo dài và đôi khi không đạt được kết quả như mong muốn.

Thứ ba, mức xử phạt hành chính theo Nghị định 109/2026/NĐ-CP (Chính phủ, 2026) vẫn còn tương đối thấp so với tính chất và hậu quả của hành vi vi phạm. Trong nhiều trường hợp, mức phạt chưa đủ sức răn đe, dẫn đến tình trạng một số cá nhân sẵn sàng chấp nhận bị xử phạt để tiếp tục duy trì hành vi vi phạm. Điều này làm giảm hiệu lực của pháp luật trong việc phòng ngừa vi phạm.

Thứ tư, số lượng vụ việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 182 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) (Quốc hội, 2017) còn khá hạn chế so với thực tế vi phạm trong xã hội. Nguyên nhân có thể xuất phát từ khó khăn trong việc thu thập chứng cứ, tâm lý e ngại của nạn nhân hoặc sự thận trọng của cơ quan tiến hành tố tụng. Hệ quả là xuất hiện một khoảng trống thực thi, làm giảm niềm tin của người dân vào tính nghiêm minh của pháp luật.

Thứ năm, việc phát hiện hành vi vi phạm vẫn phụ thuộc chủ yếu vào tố giác của cá nhân hoặc gia đình. Tuy nhiên, do tâm lý e ngại ảnh hưởng đến danh dự, uy tín hoặc mong muốn giữ gìn hòa khí gia đình, nhiều trường hợp vi phạm không được tố cáo hoặc bị xử lý muộn, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng hơn.

Thứ sáu, trong bối cảnh xã hội hiện đại, các hành vi vi phạm ngày càng trở nên tinh vi và khó phát hiện hơn. Việc sử dụng mạng xã hội, các ứng dụng liên lạc riêng tư hay các mối quan hệ xã hội mở rộng đã tạo điều kiện cho các mối quan hệ ngoài hôn nhân được thiết lập và duy trì một cách kín đáo, gây khó khăn lớn cho công tác kiểm tra, giám sát và thu thập chứng cứ.

Thứ bảy, hệ thống cơ sở vật chất phục vụ quản lý dân cư và đăng ký hộ tịch còn thiếu đồng bộ, chưa được hiện đại hóa toàn diện. Trên thực tế, ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, việc quản lý thông tin về tình trạng hôn nhân vẫn chủ yếu dựa vào sổ sách giấy tờ truyền thống hoặc các hệ thống dữ liệu chưa được số hóa đầy đủ. Việc thiếu một hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất, liên thông giữa các cơ quan như tư pháp, công an, tòa án khiến cho thông tin về tình trạng hôn nhân của cá nhân không được cập nhật kịp thời và chính xác. Điều này dẫn đến tình trạng một số cá nhân có thể lợi dụng để đăng ký kết hôn ở nhiều nơi khác nhau hoặc che giấu việc đang có vợ hoặc chồng.

Thứ tám, Việc phát hiện và xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng đòi hỏi các cơ quan chức năng phải tiến hành xác minh thực tế, thu thập chứng cứ chứng minh hành vi chung sống như vợ chồng, đây là một quá trình phức tạp, tốn nhiều thời gian và nguồn lực. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương, đặc biệt là cấp xã, phường, các cơ quan chức năng lại thiếu phương tiện làm việc, thiếu kinh phí và trang thiết bị hỗ trợ cần thiết. Điều này khiến cho việc kiểm tra, xác minh không được tiến hành thường xuyên, thiếu chiều sâu, dẫn đến nhiều hành vi vi phạm không bị phát hiện hoặc xử lý không triệt để. Trong nhiều trường hợp, cơ quan chức năng chỉ dừng lại ở mức hòa giải hoặc nhắc nhở do không đủ điều kiện chứng minh vi phạm, làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Thứ chín, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và kiểm soát còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hộ tịch điện tử là một bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, trên thực tế, hệ thống này vẫn chưa hoàn thiện và chưa được triển khai đồng bộ giữa các địa phương. Tình trạng dữ liệu chưa được cập nhật đầy đủ, thiếu sự kết nối liên ngành khiến cho việc tra cứu, xác minh thông tin gặp nhiều khó khăn.

2.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng

Thứ nhất, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng cụ thể, rõ ràng hơn, đặc biệt là trong việc xác định hành vi chung sống như vợ chồng. Cơ quan lập pháp cần xây dựng các tiêu chí mang tính

định lượng hoặc hướng dẫn chi tiết hơn nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các cơ quan áp dụng pháp luật. Điều này sẽ góp phần hạn chế tình trạng hiểu và áp dụng pháp luật không đồng nhất giữa các địa phương.

Thứ hai, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng hơn về các tiêu chí xác định yếu tố lỗi, chẳng hạn như việc đã được thông báo về tình trạng hôn nhân của đối phương hoặc có căn cứ chứng minh họ nhận thức được quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đồng thời, cần tăng cường công nhận và sử dụng các loại chứng cứ gián tiếp, nhất là chứng cứ điện tử như tin nhắn, hình ảnh, dữ liệu số, kèm theo hướng dẫn cụ thể về thu thập và xác thực. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực nghiệp vụ của cơ quan thực thi trong việc thu thập, phân tích chứng cứ, đồng thời áp dụng linh hoạt phương pháp suy luận từ chuỗi tình tiết khách quan.

Thứ ba, cần tăng mức xử phạt hành chính theo hướng phù hợp hơn với tính chất và hậu quả của hành vi vi phạm. Việc điều chỉnh mức phạt theo hướng tăng nặng, kết hợp với các biện pháp bổ sung như buộc chấm dứt hành vi vi phạm, công khai vi phạm trong một số trường hợp... sẽ góp phần nâng cao tính răn đe và phòng ngừa chung.

Thứ tư, cần nâng cao hiệu quả áp dụng chế tài hình sự đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần có sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) (Quốc hội, 2017), đồng thời chủ động hơn trong việc thu thập chứng cứ và xử lý các vụ việc đủ điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều này sẽ góp phần khắc phục khoảng trống thực thi và củng cố niềm tin của người dân vào pháp luật.

Thứ năm, cần đa dạng hóa các kênh phát hiện và tố giác hành vi vi phạm. Bên cạnh việc phụ thuộc vào tố giác của cá nhân, cần phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, chính quyền cơ sở, tổ dân phố trong việc phát hiện và phản ánh hành vi vi phạm. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế bảo vệ người tố giác nhằm giảm bớt tâm lý e ngại, lo sợ bị ảnh hưởng đến danh dự, uy tín cá nhân.

Thứ sáu, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phát hiện và thu thập chứng cứ, đặc biệt là đối với dữ liệu điện tử từ mạng xã hội và các nền tảng liên lạc. Đồng thời, cần hoàn thiện quy định pháp luật về giá trị pháp lý của chứng cứ số và quy trình thu thập, xác thực nhằm tạo cơ sở cho việc xử lý. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng số cho lực lượng thực thi pháp luật, cũng như tăng cường phối hợp với các cơ quan, tổ chức và nhà cung cấp dịch vụ công nghệ trong việc hỗ trợ xác minh thông tin...

Thứ bảy, để khắc phục tình trạng hệ thống quản lý dân cư và hộ tịch còn thiếu đồng bộ cần đẩy mạnh hiện đại hóa và số hóa toàn diện dữ liệu hộ tịch, xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất, liên thông giữa các cơ quan như tư pháp, công an và tòa án. Việc kết nối và cập nhật dữ liệu theo thời gian thực sẽ giúp kiểm soát chính xác tình trạng hôn nhân của cá nhân, hạn chế tình trạng lợi dụng kẽ hở để vi phạm pháp luật. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế hỗ trợ nghiệp vụ, bảo đảm việc xác minh được tiến hành thường xuyên, có chiều sâu, tránh tình trạng xử lý mang tính hình thức hoặc dừng lại ở mức hòa giải.

Thứ tám, đối với bất cập trong ứng dụng công nghệ thông tin, cần đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý hôn nhân và gia đình, hoàn thiện cơ sở dữ liệu điện tử và tăng cường khả năng kết nối liên ngành. Đồng thời, cần trang bị công cụ kỹ thuật và nâng cao kỹ năng cho lực lượng chức năng trong việc thu thập, xử lý chứng cứ trong môi trường số, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

3. Kết luận

Chế độ hôn nhân một vợ một chồng là nguyên tắc cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm sự bình đẳng giữa vợ và chồng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình, đặc biệt là quyền và lợi ích của trẻ em, đồng thời góp phần duy trì sự ổn định của gia đình và trật tự xã hội. Qua nghiên cứu các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng, có thể thấy pháp luật Việt Nam đã từng bước xây dựng cơ chế tương đối đầy đủ để nhận diện và xử lý các hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng thông qua các hình thức kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính và truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật vẫn còn

một số hạn chế. Trên cơ sở đó, cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về nhận diện và xử lý hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng; bảo đảm sự thống nhất giữa pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật xử lý vi phạm hành chính và pháp luật hình sự. Đồng thời, cần nâng cao năng lực của các cơ quan có thẩm quyền trong phát hiện, xác minh và xử lý vi phạm; tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật và giáo dục về quyền, nghĩa vụ trong quan hệ hôn nhân. Việc hoàn thiện pháp luật cũng cần tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế và bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa và truyền thống gia đình Việt Nam. Những giải pháp trên không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật mà còn hướng tới bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ hôn nhân, củng cố sự ổn định của gia đình và góp phần xây dựng môi trường xã hội tiến bộ, ổn định và bền vững.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2020a). *Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, ngày 18/9/2020, quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.*
Chính phủ (2020b). *Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, ngày 15/7/2020, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.*
Chính phủ (2026). *Nghị định số 109/2026/NĐ-CP, ngày 01/4/2026, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.*
Quốc hội (2015). *Bộ luật Hình sự. Luật số 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015.*
Quốc hội (2017). *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13. Luật số 12/2017/QH14, ngày 05/7/2017.*

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT...

Tiếp theo trang 342

3. Kết luận

Thực tiễn cho thấy, TP. Hà Nội đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác phòng cháy, từ hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, tăng cường tuyên truyền đến đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế về hành lang pháp lý, năng lực thực thi, nguồn lực đầu tư và trách nhiệm của một số chủ thể liên quan. Để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về phòng cháy đối với các DTLS, văn hóa trong thời gian tới, cần triển khai đồng bộ các giải pháp về hoàn thiện pháp luật, tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, đẩy mạnh tuyên truyền, tăng cường kiểm tra và ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý PCCC. Việc thực hiện hiệu quả các giải pháp này không chỉ góp phần giảm thiểu vi phạm pháp luật và nguy cơ cháy, nổ mà còn bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản và các giá trị DSVH của Thủ đô Hà Nội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2025a). *Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.*
Chính phủ (2025b). *Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.*
Công an Thành phố Hà Nội (2018-2024). *Báo cáo tổng kết công tác Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ từ năm 2018-2024 và phương hướng, nhiệm vụ công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2019-2025.*
Công an Thành phố Hà Nội (2025a). *Công văn số 597/CAHN-PV01, ngày 10/3/2025 về việc rút kinh nghiệm, chấn chỉnh việc thường trực tại đơn vị Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.*
Công an Thành phố Hà Nội (2025b). *Báo cáo số 09/BC-PC07-Đ1, ngày 08/4/2025 về khái quát tình hình, kết quả các mặt công tác của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ từ năm 2024 đến nay phục vụ đồng chí Giám đốc Công an thành phố làm việc với Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.*
Cục Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (2025). *Báo cáo số 12/BC-C07-P1 ngày 03/01/2025 Tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 của lực lượng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.*
Quốc hội (2024). *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Luật số 55/2024/QH15, ngày 29/11/2024.*
Quốc hội nước (2024). *Luật Di sản văn hóa. Luật số 45/2024/QH15, ngày 23/11/2024.*